

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG THỰC THI ESG TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG – NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM

Trần Ngọc Hùng^{1*}, Nguyễn Thị Huệ²

¹Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

*Tác giả liên hệ: Trần Ngọc Hùng, tranngochung@iuh.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 08/08/2024

Ngày nhận bài sửa: 28/08/2024

Ngày duyệt đăng: 30/09/2024

TỪ KHOÁ

Áp lực;

Ban lãnh đạo;

Big data;

ESG;

Hệ thống ngân hàng thương mại.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện và tác động của việc vận dụng ESG (Environmental – môi trường, Social – xã hội, Governance – quản trị) đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Nghiên cứu tập trung vào ba nhân tố chính: đặc tính ban lãnh đạo ngân hàng thương mại, áp lực từ các bên có liên quan và công nghệ Big Data. Với phương pháp định lượng, sử dụng phần mềm PLS-SEM (Partial Least Squares Structural Equation Modeling), nghiên cứu đã khảo sát và thu thập dữ liệu từ nhiều ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy đặc tính ban lãnh đạo như đa dạng giới tính (khuyến khích gia tăng tỷ lệ lãnh đạo nữ), trình độ học vấn (đào tạo bài bản từ các nước tiên tiến, có tầm nhìn chiến lược, cam kết mạnh mẽ và nhận thức cao về ESG) là nhân tố quan trọng thúc đẩy việc triển khai các chính sách ESG hiệu quả. Bên cạnh đó, các bên có liên quan như cơ quan, ban ngành chính phủ, khách hàng và cổ đông, cũng đóng góp vai trò quan trọng trong việc tạo ra áp lực buộc ngân hàng thương mại thực thi ESG. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ Big Data đã chứng minh khả năng hỗ trợ đắc lực trong việc thu thập, phân tích và cung cấp dữ liệu lập báo cáo phát triển bền vững. Thêm vào đó, việc vận dụng ESG cho thấy có tác động sâu sắc đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

1. GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Giới thiệu

Trong thời gian gần đây, ESG (Environmental, Social, and Governance) đã trở thành một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh của các ngân hàng thương mại trên toàn thế giới. Điều này phản ánh sự quan tâm ngày càng tăng đối với phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Các ngân hàng thương mại đối mặt với áp lực từ các nhà đầu tư,

khách hàng và xã hội yêu cầu các tổ chức tài chính phải minh bạch và có trách nhiệm hơn đối với các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Những tổ chức không đáp ứng được các tiêu chuẩn ESG có thể mất đi sự tin nhiệm và thị phần. Các chính phủ và tổ chức quốc tế đang dần ban hành các quy định yêu cầu các tổ chức tài chính phải tích hợp yếu tố ESG vào hoạt động của mình. Điều này bao gồm việc tiết lộ thông tin về các khoản đầu tư liên quan đến ESG và việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về phát

triển bền vững. Người tiêu dùng và các đối tác kinh doanh ngày càng ưa chuộng các sản phẩm tài chính và dịch vụ của những ngân hàng có chiến lược ESG rõ ràng. Điều này thúc đẩy các ngân hàng phải cải thiện chiến lược ESG của mình để thu hút khách hàng và đối tác (Shakil, M. H. et al., 2024).

Trong lĩnh vực học thuật, có một sự gia tăng đáng kể về số lượng nghiên cứu liên quan đến ESG và tác động của nó đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc thực hiện tốt các chiến lược ESG có thể dẫn đến cải thiện hiệu quả tài chính của ngân hàng. Những ngân hàng có hiệu suất ESG cao thường có khả năng giảm thiểu rủi ro, thu hút nhà đầu tư và tăng cường danh tiếng trên thị trường. Một số nghiên cứu tập trung vào cách các chính sách quản trị tốt (G trong ESG) có thể giúp ngân hàng giảm thiểu rủi ro, đặc biệt là các rủi ro liên quan đến danh tiếng và pháp lý. Việc quản lý rủi ro ESG tốt có thể dẫn đến sự ổn định lâu dài cho ngân hàng. Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc các ngân hàng tham gia vào các hoạt động có tác động tích cực đến môi trường và xã hội, như tài trợ các dự án xanh hoặc các chương trình xã hội. Những hành động này không chỉ giúp cải thiện hình ảnh của ngân hàng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Tuy nhiên, việc thực hiện ESG cũng đặt ra nhiều thách thức cho các ngân hàng, bao gồm chi phí triển khai và sự phức tạp trong việc đo lường hiệu quả ESG. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để các ngân hàng đổi mới và phát triển các sản phẩm tài chính bền vững, từ đó tăng cường sự cạnh tranh trên thị trường (Lupu et al., 2022; Hwang et al., 2021; Sari et al., 2023).

Trong bối cảnh Việt Nam, theo (Tú, 2023), ngành ngân hàng là một kênh quan trọng cung ứng tài chính chủ chốt trong nền kinh tế, và luôn có trách nhiệm định hình và xác định vai trò của mình trong quá trình thúc đẩy tiến trình "xanh hóa" dòng vốn đầu tư, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững. Nghiên cứu này có những đóng góp mới thông qua việc phân tích tác động của các nhân tố đến việc thực thi ESG và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả hoạt động của hệ thống

ngân hàng thương mại. Nghiên cứu này xem xét việc áp dụng ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại dưới hai góc nhìn, với vai trò vừa là biến phụ thuộc vừa là biến độc lập trung gian. Một mặt xem xét liệu có hay không tác động tích cực của việc áp dụng ESG đến việc gia tăng hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, mặt khác xem xét các nhân tố có thể thúc đẩy việc áp dụng ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại. Từ đó đưa ra các hàm ý chính sách nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công bố các chỉ tiêu ESG tại Việt Nam trong thời gian tới.

1. 2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Hội đồng quản trị, ban giám đốc đóng vai trò then chốt trong việc định hình việc áp dụng các nguyên tắc ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại. Hiệu quả của ban lãnh đạo trong việc thúc đẩy các sáng kiến ESG chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm thành phần, tính đa dạng của hội đồng, cấu trúc quản trị.

Một khía cạnh quan trọng của tác động từ ban lãnh đạo đối với việc áp dụng ESG là thành phần và tính đa dạng của hội đồng quản trị. Nghiên cứu cho thấy rằng các hội đồng quản trị với sự hiện diện cao hơn của phụ nữ và các giám đốc độc lập có xu hướng thể hiện hiệu suất ESG mạnh mẽ hơn. Ví dụ, các nghiên cứu của Birindelli và cộng sự (2018) và Menicucci & Paolucci (2022) chứng minh rằng tính đa dạng giới và tính độc lập của hội đồng quản trị có ảnh hưởng tích cực đến điểm số ESG trong các ngân hàng thương mại. Sự hiện diện của các quan điểm đa dạng trong hội đồng có thể nâng cao quy trình ra quyết định, dẫn đến các chiến lược ESG toàn diện và hiệu quả hơn. Hơn nữa, việc thiết lập các ủy ban chuyên trách trong ban lãnh đạo, chẳng hạn như ủy ban về bền vững hoặc trách nhiệm xã hội (CSR), có thể nâng cao đáng kể việc công bố và hiệu suất ESG. Wu (2023) nhấn mạnh rằng các ủy ban hội đồng chuyên trách các vấn đề ESG có thể tạo áp lực lên ban lãnh đạo để ưu tiên các thực tiễn bền vững và cải thiện tính minh bạch trong báo cáo. Điều này được củng cố bởi phát hiện của Umar (2023),

cho thấy rằng sự tham gia tích cực của các giám đốc độc lập trong các cuộc họp có mối tương quan với mức độ công bố ESG cao hơn. Các cấu trúc quản trị này tạo điều kiện cho sự giám sát chặt chẽ hơn đối với các sáng kiến ESG, đảm bảo rằng chúng phù hợp với các mục tiêu chiến lược của ngân hàng.

Từ đó nhóm tác giả xây dựng giả thuyết nghiên cứu sau:

H1: Đặc tính ban lãnh đạo có ảnh hưởng tích cực đến việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Việc áp dụng các nguyên tắc ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại được định hình bởi nhiều khung lý thuyết khác nhau, qua đó định hướng cách các ngân hàng tiếp cận vấn đề bền vững và quản trị. Những lý thuyết này cung cấp nền tảng để hiểu rõ động lực đằng sau việc tích hợp ESG, các thách thức gặp phải, và những cơ hội nảy sinh từ việc áp dụng các thực tiễn bền vững.

Một trong những lý thuyết chính ảnh hưởng đến việc áp dụng ESG là lý thuyết hợp pháp (Legitimacy Theory), cho rằng các tổ chức tìm cách hoạt động trong phạm vi và chuẩn mực của xã hội mà họ đang tồn tại. Friedrich và cộng sự (2022) lập luận rằng áp lực gia tăng từ quy định và xã hội đã buộc các ngân hàng phải nâng cao thực tiễn báo cáo về biến đổi khí hậu. Lý thuyết này cho rằng các ngân hàng sử dụng báo cáo ESG như một công cụ để đạt được sự hợp pháp hóa và đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, từ đó cải thiện hình ảnh doanh nghiệp và phù hợp với các giá trị xã hội. Việc nhấn mạnh vào tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các thực tiễn ESG có thể giúp các ngân hàng giảm thiểu rủi ro danh tiếng và tăng cường niềm tin từ các bên liên quan. Một khung lý thuyết khác có liên quan là lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xem xét lợi ích của tất cả các bên liên quan trong quá trình ra quyết định của doanh nghiệp. Dicuonzo và cộng sự (2022) cho rằng việc tích hợp các thực tiễn ESG vào hệ thống quản trị doanh nghiệp có thể dẫn đến cải

thiện hiệu suất tài chính và sự ổn định. Lý thuyết này nhấn mạnh quan điểm rằng các ngân hàng tích cực tham gia với các bên liên quan—như khách hàng, nhà đầu tư và cơ quan quản lý—có nhiều khả năng thành công hơn trong các sáng kiến ESG của họ. Bằng cách điều chỉnh chiến lược của mình theo kỳ vọng của các bên liên quan, các ngân hàng có thể nâng cao lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự bền vững dài hạn.

Ngoài ra, lý thuyết thể chế (Institutional Theory) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các thực tiễn ESG trong lĩnh vực ngân hàng. Lý thuyết này cho rằng các tổ chức bị ảnh hưởng bởi môi trường thể chế mà họ hoạt động, bao gồm các khung quy định và chuẩn mực văn hóa. Ferretti (2024) ghi nhận rằng các ngân hàng Ý ngày càng tích hợp bền vững vào hệ thống kiểm soát quản lý của họ để đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng từ các khách hàng doanh nghiệp đang tìm kiếm các sản phẩm tập trung vào ESG. Điều này phản ánh cách các áp lực thể chế có thể thúc đẩy các ngân hàng áp dụng các thực tiễn bền vững, từ đó điều chỉnh hoạt động của họ phù hợp với các mục tiêu xã hội rộng lớn hơn.

Từ đó nhóm tác giả xây dựng giả thuyết nghiên cứu sau:

H2: Áp lực từ các bên có liên quan có ảnh hưởng tích cực đến việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, lý thuyết chuyển đổi số (Digital Transformation Theory) ngày càng trở nên quan trọng khi các ngân hàng tận dụng công nghệ để nâng cao hiệu suất ESG của mình. Yongjie & Jin (2023) cho rằng việc kết hợp các yếu tố ESG vào các sáng kiến kỹ thuật số có thể cải thiện hiệu quả hoạt động và củng cố danh tiếng của các ngân hàng. Lý thuyết này cho rằng các công cụ kỹ thuật số có thể hỗ trợ việc thu thập và báo cáo dữ liệu ESG tốt hơn, từ đó nâng cao tính minh bạch và sự tham gia của các bên liên quan.

Tác động của dữ liệu lớn (Big Data) đối với việc áp dụng các nguyên tắc ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại là sâu rộng và đa diện.

Phân tích dữ liệu lớn cải thiện khả năng của các ngân hàng trong việc thu thập, phân tích và sử dụng một lượng thông tin khổng lồ, điều này có thể nâng cao đáng kể hiệu suất và báo cáo ESG của họ. Một trong những cách chủ yếu mà dữ liệu lớn ảnh hưởng đến việc áp dụng ESG là thông qua việc cải thiện đánh giá và quản lý rủi ro. Zhang (2023) nhấn mạnh rằng việc ứng dụng dữ liệu lớn trong đánh giá tín dụng cho phép các ngân hàng xác định rủi ro tiềm ẩn một cách chính xác và hiệu quả hơn. Bằng cách phân tích dữ liệu lịch sử và hồ sơ khách hàng, các ngân hàng có thể dự đoán tốt hơn các trường hợp vỡ nợ và đánh giá khả năng tín dụng của người vay, điều này rất quan trọng cho việc duy trì sự ổn định tài chính và phù hợp với các mục tiêu ESG. Khả năng này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro tài chính mà còn hỗ trợ khía cạnh xã hội của ESG bằng cách thúc đẩy các thực tiễn cho vay có trách nhiệm.

Hơn nữa, dữ liệu lớn giúp cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong báo cáo ESG. Galletta & Mazzù (2022) thảo luận về cách các ngân hàng có thể tận dụng dữ liệu từ nhiều nguồn để đánh giá các tranh cãi và hiệu suất ESG của họ một cách toàn diện. Cách tiếp cận dựa trên dữ liệu này cho phép các ngân hàng cung cấp cho các bên liên quan thông tin chính xác và kịp thời về nỗ lực bền vững của họ, qua đó nâng cao độ tin cậy và uy tín. Ngoài ra, dữ liệu lớn có thể thúc đẩy đổi mới trong các sản phẩm tài chính phù hợp với các nguyên tắc ESG. Saxena và cộng sự (2022) nhấn mạnh rằng việc sử dụng phân tích nâng cao trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 cho phép các ngân hàng phát triển các sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Sự đổi mới này không chỉ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về tài chính bền vững mà còn đặt các ngân hàng vào vị trí dẫn đầu trong quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế bền vững hơn. Hơn nữa, vai trò của dữ liệu lớn trong việc nâng cao quản trị doanh nghiệp cũng không thể bỏ qua. Boudawara và cộng sự (2023) cho rằng các ngân hàng với khả năng phân tích dữ liệu mạnh mẽ có khả năng tích hợp các hoạt động ESG vào mô hình kinh doanh của họ tốt hơn. Sự tích hợp

này là điều cần thiết để điều chỉnh các cấu trúc quản trị doanh nghiệp với các mục tiêu bền vững, vì nó cho phép ra quyết định và lập kế hoạch chiến lược được thông tin đầy đủ hơn.

Từ đó nhóm tác giả xây dựng giả thuyết nghiên cứu:

H3: Công nghệ (Big data) có ảnh hưởng tích cực đến việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Mối quan hệ giữa các yếu tố ESG và hiệu quả tài chính trong lĩnh vực ngân hàng thương mại đã thu hút sự chú ý đáng kể trong những năm gần đây. Một khối lượng nghiên cứu ngày càng gia tăng chỉ ra rằng hiệu suất ESG mạnh mẽ có mối tương quan tích cực với sự ổn định tài chính và lợi nhuận trong các ngân hàng, cho thấy việc tích hợp các yếu tố bền vững vào thực tiễn ngân hàng có thể mang lại những lợi ích kinh tế đáng kể. Lupu và cộng sự (2022) cung cấp bằng chứng cho thấy mỗi thành phần của ESG—môi trường, xã hội và quản trị—đều đóng góp tích cực vào sự ổn định tài chính của các ngân hàng châu Âu. Kết quả nghiên cứu của họ ủng hộ giả thuyết rằng các ngân hàng có điểm số ESG cao hơn thể hiện hiệu quả tài chính tốt hơn, đồng thời phù hợp với quan điểm cho rằng các thực tiễn bền vững tăng cường sự ổn định tổng thể. Tương tự, Shakil và cộng sự (2019) chứng minh mối liên hệ tích cực giữa hiệu quả môi trường và xã hội với hiệu quả tài chính trong các ngân hàng thị trường mới nổi, củng cố ý tưởng rằng các sáng kiến ESG có thể dẫn đến việc cải thiện lợi nhuận. Tác động của ESG đến hiệu quả tài chính đặc biệt rõ rệt trong các giai đoạn khủng hoảng, như được nhấn mạnh bởi Hwang và cộng sự (2021). Nghiên cứu của họ tiết lộ rằng trong suốt đại dịch COVID-19, các doanh nghiệp có hiệu suất ESG mạnh mẽ đã trải qua kết quả tài chính tốt hơn, gợi ý rằng các yếu tố ESG có thể đóng vai trò như một tấm chắn chống lại các cú sốc kinh tế. Điều này còn được củng cố bởi Sari & Wardhani (2023), những người phát hiện ra rằng hiệu suất ESG làm giảm bớt những tác động tiêu cực của rủi ro tín dụng đối với hiệu quả tài chính của ngân hàng trong thời kỳ đại dịch. Hơn nữa, Liu (2024) nhấn

manh rằng cải thiện hiệu suất ESG có thể giảm thiểu rủi ro thanh khoản trong các ngân hàng thương mại, từ đó cải thiện hiệu quả tài chính. Bằng cách áp dụng các thực tiễn bền vững, các ngân hàng có thể giảm tỷ lệ nợ xấu và nâng cao quản lý thanh khoản của mình, điều này rất quan trọng cho sự tồn tại lâu dài. Quan điểm này được Ponce & Wibowo (2023) chia sẻ, những người nhận thấy tác động tích cực đáng kể của trụ cột xã hội trong ESG đối với tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), chỉ ra rằng các sáng kiến xã hội có thể trực tiếp tăng cường hiệu quả tài chính.

H4: Việc thực thi ESG có ảnh hưởng tích cực đến việc hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

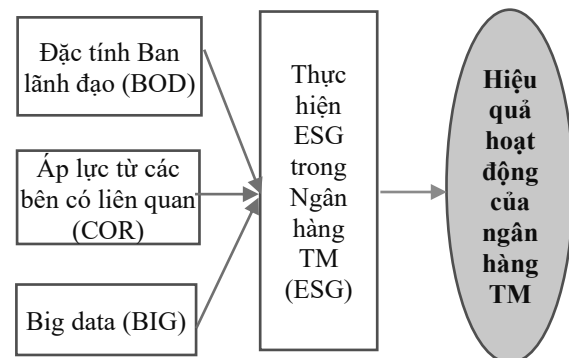
Trong bài báo này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để nghiên cứu về các vấn đề lý luận liên quan đến việc thực thi các chỉ tiêu ESG và tác động của nó đến hệ thống ngân hàng thương mại.

Đầu tiên, nhóm tác giả áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, cụ thể là phương pháp nghiên cứu tình huống (nghiên cứu điển hình) bằng cách thu thập, tổng hợp các nguồn dữ liệu thứ cấp. Sau đó tiến hành phân tích thông tin từ các nguồn dữ liệu trên như các bài báo nghiên cứu khoa học, giáo trình, tạp chí kinh tế, luận văn, luận án, nhằm hệ thống hóa các lý luận liên quan. Sau đó, nhóm nghiên cứu chuyển sang phương pháp định lượng. Bắt đầu bằng việc rà soát các nghiên cứu trước cũng như các lý thuyết có liên quan đến việc thực thi ESG và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng. Mục tiêu là làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi ESG. Nhóm xây dựng mô hình nghiên cứu cụ thể và phát triển các thang đo cho các biến nghiên cứu, sau đó tiến hành khảo sát và phân tích định lượng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với việc thực thi ESG và mức độ phù hợp của mô hình. Phương pháp nghiên cứu định lượng sử dụng là mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Mục đích sử dụng phương pháp PLS-SEM

(Partial Least Squares Structural Equation Modeling) trong nghiên cứu là để kiểm tra và phát triển các mô hình lý thuyết phức tạp, đặc biệt là trong các trường hợp khi dữ liệu không tuân theo phân phối chuẩn hoặc khi kích thước mẫu nhỏ. PLS-SEM được sử dụng rộng rãi nhằm tối ưu hóa dự đoán của các biến phụ thuộc và đồng thời giải quyết các mô hình có nhiều cấu trúc tiềm ẩn và mối quan hệ tuyến tính giữa chúng. Theo Hair và cộng sự (2019a), PLS-SEM là một công cụ mạnh mẽ trong nghiên cứu xã hội học, cho phép các nhà nghiên cứu không chỉ đánh giá sự phù hợp của mô hình mà còn có khả năng kiểm tra các mối quan hệ phức tạp giữa các biến trong mô hình lý thuyết của họ.

Qua đó, nhóm kiểm định mô hình đo lường và mô hình cấu trúc để đánh giá độ tin cậy và tính hợp lệ của thang đo, cũng như mối quan hệ giữa các biến và sự phù hợp của mô hình nghiên cứu với lý thuyết. Dữ liệu được thu thập từ nhân sự công tác tại các ngân hàng thương mại Việt Nam thông qua phương pháp chọn mẫu phi xác suất thuận tiện. Mẫu nghiên cứu dự kiến lớn hơn 100 để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của phân tích SEM. Khảo sát được tiến hành trong quý hai năm 2024, với kết quả thu được từ 130 phiếu trả lời hợp lệ. Tỷ lệ phản hồi cao này đảm bảo cơ sở dữ liệu vững chắc cho nghiên cứu.

Dựa trên các giả thuyết nghiên cứu đề xuất, nhóm tác giả tổng hợp và xây dựng mô hình:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu tổng hợp

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Độ tin cậy của các cấu trúc trong mô hình có thể được đánh giá thông qua hệ số

Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp. Kết quả phân tích được trình bày trong Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,807 (BIG) đến 0,882 (BOD). Tương tự, các giá trị độ tin cậy tổng hợp cũng nằm trong khoảng từ 0,812 (BIG) đến 0,885 (BOD). Cả hai chỉ số này đều vượt qua ngưỡng 0,7, theo tiêu chuẩn của Hair và cộng sự (2022), điều này khẳng định độ tin cậy của các cấu trúc trong nghiên cứu. Bảng 1 cũng trình bày giá trị phương sai trích (AVE) cho từng cấu trúc, với tất cả các giá trị đều lớn hơn 0,5, điều này đảm bảo tính hội tụ của các cấu trúc theo tiêu chuẩn của Fornell và Larcker (1981).

Bảng 1. Kết quả đánh giá mô hình

	Hệ số Cronbach's alpha	Độ tin cậy tổng hợp_a	Độ tin cậy tổng hợp_c	Giá trị phương sai trích bình quân
BIG	0,807	0,812	0,873	0,633
BOD	0,882	0,885	0,914	0,679
COR	0,877	0,879	0,910	0,670
ESG	0,815	0,822	0,872	0,579
PEF	0,861	0,863	0,900	0,642

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

Chỉ số Heterotrait-Monotrait ratio (HTMT) được sử dụng để kiểm tra mối tương quan thực sự giữa các thang đo của các cặp khái niệm trong mô hình nghiên cứu. Đây là một kỹ thuật mới để đánh giá giá trị phân biệt trong PLS-SEM, và được coi là tiên tiến hơn so với các phương pháp truyền thống của Fornell và Larcker (1981) hay hệ số tải chéo của Henseler và cộng sự (2015). Kết quả HTMT được trình bày trong Bảng 2 cho thấy không có bất kỳ chỉ số HTMT nào của các cặp khái niệm có giá trị lớn hơn 0,827. Theo Henseler và cộng sự (2015), mức chấp nhận cho HTMT là dưới 0,9. Từ đây, có thể kết luận rằng thang đo của các khái niệm nghiên cứu đạt giá trị phân biệt cao.

Bảng 2. Giá trị chỉ số tương quan (Heterotrait-Monotrait ratio)

	Chỉ số tương quan
BOD <-> BIG	0,288
COR <-> BIG	0,328
COR <-> BOD	0,248
ESG <-> BIG	0,696
ESG <-> BOD	0,591
ESG <-> COR	0,663
PEF <-> BIG	0,687
PEF <-> BOD	0,632
PEF <-> COR	0,696
PEF <-> ESG	0,827

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

Kết quả kiểm định đã được trình bày trước đó xác nhận tính phù hợp của mô hình đo lường, từ đó tác giả tiến hành phân tích sự phù hợp của mô hình cấu trúc. Để đánh giá mức độ tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình cấu trúc, chỉ số Variance Inflation Factor (VIF – đa cộng tuyến) đã được áp dụng. Theo Lowry và Gaskin (2014), giá trị VIF lớn hơn 5 hoặc nhỏ hơn 0,2 là dấu hiệu của hiện tượng cộng tuyến giữa các biến tiềm ẩn trong mô hình. Dữ liệu trình bày trong Bảng 3 cho thấy tất cả các giá trị VIF đều dưới 5, với giá trị cao nhất là 1,127 và giá trị thấp nhất là 1,000, cả hai đều nằm trong khoảng cho phép. Điều này cho thấy sự vắng bóng của hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến tiềm ẩn trong mô hình, qua đó khẳng định thêm tính ổn định và phù hợp của mô hình cấu trúc được nghiên cứu.

Bảng 3. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

	Hệ số phóng đại phương sai
BIG -> ESG	1,127
BOD -> ESG	1,091
COR -> ESG	1,109
ESG -> PEF	1,000

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

Kết quả trong Bảng 4 chỉ ra rằng mức độ biến động của biến nội sinh (ESG) được giải thích phần lớn bởi các biến ngoại sinh, với hệ số xác định R² đạt 59.1%. Điều này chứng tỏ mô hình có khả năng dự đoán khá cao. Hơn nữa, biến PEF cũng được dự đoán chính xác với hệ số xác định R² lên đến 74.1%.

Bảng 4. Hệ số xác định

	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh
E SG	0,601	0,591
P EF	0,743	0,741

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

Bảng 5 hiển thị giá trị tác động của quy mô f^2 cho từng mô hình cấu trúc riêng biệt. Trong Mô hình 1 (ESG), kết quả mang lại bằng chứng bổ sung để hỗ trợ cho kết luận rằng việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại phụ thuộc nhiều nhất vào nhân tố áp lực từ các bên liên quan (COR, $f^2 = 0,333$) và nhân tố áp dụng công nghệ dữ liệu lớn (BIG, $f^2 = 0,329$). Nhân tố còn lại liên quan đến đặc tính ban lãnh đạo ngân hàng thương mại (BOD, $f^2 = 0,249$). Cụ thể, với hệ số tác động là 0,329 cho thấy có mối tương quan dương giữa việc áp dụng Big Data (BIG) và tiêu chuẩn ESG (Environmental, Social, Governance) (BIG -> ESG; 0,329). Điều này có nghĩa là việc triển khai và áp dụng Big Data có ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện các tiêu chuẩn ESG. Mức độ tác động này là trung bình, cho thấy Big Data có vai trò hỗ trợ nhưng không phải là yếu tố chủ đạo trong việc thực hiện ESG. Kết quả này được hỗ trợ từ các nghiên cứu trước của Saxena và cộng sự (2022), Boudawara và cộng sự (2023). Đối với tác động của Hội đồng quản trị (Board of Directors - BOD) đến ESG (BOD -> ESG; 0,249), đây cũng là một mối tương quan dương nhưng có cường

độ yếu hơn so với Big Data. Điều này cho thấy sự tham gia và ảnh hưởng của Hội đồng quản trị có tác động tích cực đến ESG, nhưng tác động này không mạnh mẽ bằng yếu tố Big Data. Điều này tương thích với các kết quả nghiên cứu trước như Menicucci & Paolucci (2022); Gürol & Lagasio, (2022). Cuối cùng, với hệ số tác động là 0,333 cho thấy yếu tố áp lực từ các bên liên quan (COR) có ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện ESG (COR -> ESG; 0,333). Áp lực từ các bên liên quan, với tác động dương cao hơn các yếu tố khác, là một nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy các tiêu chuẩn ESG. Điều này có thể được hiểu rằng dưới tác động từ áp lực các bên liên quan sẽ giúp nâng cao việc áp dụng ESG một cách hiệu quả. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước như Dicuonzo và cộng sự (2022), Ferretti (2024).

Tương tự, trong Mô hình 2, việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại có tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại với hệ số tác động cao nhất (ESG -> PEF; 2,890). Điều này cho thấy rằng việc thực hiện các tiêu chuẩn ESG có tác động rất tích cực và mạnh mẽ đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Đây là một kết quả quan trọng, minh chứng rằng việc tập trung vào các tiêu chuẩn ESG không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn mang lại lợi ích tài chính đáng kể cho doanh nghiệp.

Bảng 5. Giá trị tác động

	F-bình phương
BIG -> ESG	0,329
BOD -> ESG	0,249
COR -> ESG	0,333
ESG -> PEF	2,890

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

Mô hình được kiểm tra mức độ phù hợp thông qua phương pháp Bootstrapping nhằm đánh giá các hệ số đường dẫn trong mô hình cấu trúc. Tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc được xem xét bằng cách kiểm định mỗi

quan hệ trực tiếp giữa các cấu trúc qua hệ số ban đầu từ H1 đến H6 đều được hỗ trợ về mặt đường dẫn (β) và giá trị p. Bảng 6 cho thấy với thống kê. giá trị của p-value, các giả thuyết nghiên cứu

Bảng 6. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Mẫu gốc	Trung bình mẫu	Độ lệch chuẩn	Giá trị T statistics (O/STDEV)	Giá trị P-values	Kết quả
H3	BIG -> ESG	0,385	0,382	0,066	5,850	0,000	Chấp nhận
H1	BOD -> ESG	0,329	0,331	0,056	5,857	0,000	Chấp nhận
H2	COR -> ESG	-0,384	-0,386	0,059	6,480	0,000	Chấp nhận
H4	ESG -> PEF	0,862	0,863	0,026	32,645	0,000	Chấp nhận

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thực thi ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đặc tính ban lãnh đạo ngân hàng, áp lực từ các bên có liên quan và công nghệ, đặc biệt là Big Data, đều đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy sự vận dụng ESG trong các ngân hàng thương mại. Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra việc thực thi ESG có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Dựa trên kết luận về các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm cải thiện và khuyến khích việc thực thi ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại như sau:

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy ban lãnh đạo ngân hàng thương mại với tầm nhìn chiến lược, sự cam kết và nhận thức cao về tầm quan trọng của ESG có thể dẫn dắt ngân hàng thương mại triển khai hiệu quả các chính sách ESG. Lãnh đạo có năng lực và thái độ tích cực đối với ESG không chỉ tạo ra môi trường làm

Nhóm tác giả tổng hợp từ phần mềm PLS-SEM

việc thuận lợi mà còn khuyến khích nhân viên tham gia và cam kết với các mục tiêu phát triển bền vững. Do đó việc đa dạng thành phần ban lãnh đạo, trẻ hóa lực lượng được đào tạo bài bản từ các nước tiên tiến cũng như tích cực khuyến khích sự tham gia của phái nữ trong giới lãnh đạo, sẽ làm cho ban lãnh đạo có cái nhìn đa chiều cũng như có các giải pháp sáng tạo trong việc vận dụng hay công bố ESG. Bên cạnh đó, khuyến khích gia tăng tỷ lệ các thành viên độc lập trong ban lãnh đạo ngân hàng thương mại nhằm có cơ chế giám sát tốt hơn.

Thứ hai, các bên liên quan, bao gồm cổ đông, khách hàng, và cơ quan quản lý, đều có những yêu cầu và kỳ vọng riêng về ESG. Áp lực từ những nhóm này thúc đẩy các ngân hàng thương mại phải cân nhắc và tích hợp các tiêu chí ESG vào hoạt động của mình. Cụ thể, sự yêu cầu từ các cổ đông về báo cáo ESG chi tiết và minh bạch, sự kỳ vọng của khách hàng về các sản phẩm tài chính bền vững, và các quy định từ cơ quan quản lý đều ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi ESG trong ngân hàng thương mại. Do đó, bản thân các ngân hàng thương mại cần chủ động thiết lập kênh liên lạc với các cổ đông như xây dựng nội dung thông tin công bố chi tiết, minh bạch thông qua các báo cáo phát triển

bền vững trên các trang web của ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, các cơ quan ban ngành chính phủ cần sớm ban hành các chính sách về thực hành và công bố thông tin ESG, vừa có cơ chế khuyến khích công bố tự nguyện, vừa sớm ban hành những quy định yêu cầu công bố bắt buộc.

Thứ ba, công nghệ, đặc biệt là Big Data, đóng vai trò không thể thiếu trong việc triển khai ESG. Big Data cung cấp các công cụ và nền tảng để thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu ESG một cách chính xác và hiệu quả. Công nghệ này cũng hỗ trợ các ngân hàng thương mại trong việc đánh giá rủi ro, phát hiện các xu hướng và ra quyết định dựa trên dữ liệu thực tế. Sự áp dụng Big Data giúp các ngân hàng thương mại cải thiện khả năng dự báo, quản lý rủi ro và đáp ứng nhanh chóng với các thay đổi trong yêu cầu ESG. Các ngân hàng thương mại sớm và mạnh dạn triển khai, xây dựng một hệ thống quản lý rủi ro tích hợp dữ liệu lớn, sử dụng dữ liệu lịch sử và thời gian thực từ nhiều nguồn (ví dụ: báo cáo tài chính, dữ liệu khí hậu, thông tin từ mạng xã hội). Song song đó, sử dụng các mô hình dự báo và máy học để phát hiện sớm các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội, như rủi ro tín dụng do biến đổi khí hậu, rủi ro tuân thủ pháp lý hoặc các vấn đề xã hội có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả của khách hàng. Ngoài ra, áp dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn để thu thập và tổng hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau như báo cáo nội bộ, cơ quan quản lý, và các tổ chức phi chính phủ. Từ đó, sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để tạo ra các báo cáo ESG chi tiết, minh bạch, và dễ hiểu, được cập nhật theo thời gian thực. Điều này không chỉ giúp ngân hàng tuân thủ các yêu cầu báo cáo mà còn tăng cường uy tín và khả năng thu hút đầu tư từ các quỹ ESG.

Tóm lại, để thực thi thành công ESG trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa ban lãnh đạo có tầm nhìn, áp lực tích cực từ các bên có liên

quan, và sự ứng dụng công nghệ tiên tiến như Big Data. Những nhân tố này không chỉ giúp hệ thống ngân hàng thương mại nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội và môi trường. Việc tiếp tục nghiên cứu và phát triển các chiến lược ESG là điều cần thiết để hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam có thể đạt được các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Birindelli, G., Dell'Atti, S., Iannuzzi, A. P., & Savioli, M. (2018). Composition and activity of the board of directors: Impact on ESG performance in the banking system. *Sustainability*, 10(12), 4699. DOI: <https://doi.org/10.3390/su10124699>
- Boudawara, Y., Toumi, K., Wannes, A., & Hussainey, K. (2023). Shari'ah governance quality and environmental, social and governance performance in Islamic banks: a cross-country evidence. *Journal of Applied Accounting Research*, 24(5), 1004-1026. DOI: <https://doi.org/10.1108/jaar-08-2022-0208>.
- Dicuonzo, G., Donofrio, F., Iannuzzi, A. P., & Dell'Atti, V. (2022). The integration of sustainability in corporate governance systems: an innovative framework applied to the European systematically important banks. *International Journal of Disclosure and Governance*, 19(3), 249-263. DOI: <https://doi.org/10.1057/s41310-021-00140-2>
- Ferretti, P., Gonnella, C., & Martino, P. (2024). Integrating sustainability in management control systems: an exploratory study on Italian banks. *Meditari Accountancy Research*, 32(7), 1-34. DOI: <https://doi.org/10.1108/medar-03-2023-1954>.
- Fornell, C., & Larcker, D. F. (1981), 'Structural equation models with unobservable

- variables and measurement error: Algebra and statistics', *Journal of Marketing Research*, 18(3), 382–388. DOI: <https://doi.org/10.2307/3150980>.
- Friedrich, T. J., Velte, P., & Wulf, I. (2023). Corporate climate reporting of European banks: Are these institutions compliant with climate issues?. *Business Strategy and the Environment*, 32(6), 2817-2834. DOI: 10.1002/bse.3272
- Galletta, S. and Mazzù, S. (2022). ESG controversies and bank risk-taking. *Business Strategy and the Environment*, 32(1), 274-288. DOI: <https://doi.org/10.1002/bse.3129>.
- Hair JF, Hult GTM, Ringle CM, Sarstedt M, Castillo-Apraiz J, Cepeda Carrión G, RoldánJL (2019a) Manual de partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM), Spanish edn. Sage, Barcelona.
- Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015), 'A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modelling', *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43, 115-135. DOI: <https://doi.org/10.1007/s11747-014-0403-8>.
- Hwang, J., Kim, H., & Jung, D. (2021). The effect of esg activities on financial performance during the covid-19 pandemic—evidence from Korea. *Sustainability*, 13(20), 11362. DOI: <https://doi.org/10.3390/su132011362>.
- Liu, J. and Xie, J. (2024). The effect of ESG performance on bank liquidity risk. *Sustainability*, 16(12), 4927. DOI: <https://doi.org/10.3390/su16124927>.
- Lupu, I., Hurduzeu, G., & Lupu, R. (2022). How is the ESG reflected in European financial stability? *Sustainability*, 14(16), 10287. DOI: <https://doi.org/10.3390/su141610287>.
- Menicucci, E. and Paolucci, G. (2022). Board diversity and ESG performance: evidence from the Italian banking sector. *Sustainability*, 14(20), 13447. DOI: <https://doi.org/10.3390/su142013447>.
- Ponce, H. G. and Wibowo, S. A. (2023). Do sustainability activities affect the financial performance of banks? the case of Indonesian banks. *Sustainability*, 15(8), 6892. DOI: <https://doi.org/10.3390/su15086892>.
- Sari, N. and Wardhani, R. (2023). The effect of Covid-19 pandemic on banking financial performance through credit risk with ESG performance as a moderating variable: a study in ASEAN. Proceedings of the International Conference on Economic, Management, Business and Accounting, ICEMBA 2022, 17 December 2022, Ta. DOI: <https://doi.org/10.4108/eai.17-12-2022.2333275>.
- Saxena, A., Gehlot, A., Akram, S. V., Twala, B., Singh, A., Montero, E. C., ... & Priyadarshi, N. (2022). Technologies empowered environmental, social, and governance (ESG): an industry 4.0 landscape. *Sustainability*, 15(1), 309. DOI: <https://doi.org/10.3390/su15010309>.
- Shakil, M. H., Mahmood, N., Tasnia, M., & Munim, Z. H. (2019). Do environmental, social and governance performance affect the financial performance of banks? A cross-country study of emerging market banks. *Management of Environmental Quality: An International Journal*, 30(6), 1331-1344. DOI: <https://doi.org/10.1108/MEQ-08-2018-0155>
- Sustainalytics (2024). Sustainalytics. DOI: <https://www.sustainalytics.com/esg-research> (Accessed August 27, 2024).
- Tú, P. M. (2023). Các nguyên tắc ngân hàng bền vững - kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng*. ISSN 2815-6056.
- Umar, U. H., Firmansyah, E. A., Danlami, M. R., & Al-Faryan, M. A. S. (2023).

Revisiting the relationship between corporate governance mechanisms and esg disclosures in saudi arabia. *Journal of Accounting & Organizational Change*, 20(4), 724-747. DOI: <https://doi.org/10.1108/jaoc-01-2023-0011>.

Wu, J., Wang, D., Fu, X., & Meng, W. (2023). Antecedent configurations of ESG disclosure: evidence from the banking sector in China. *Sustainability*, 15(17), 13234. DOI: <https://doi.org/10.3390/su151713234>.

Yongjie, Z. and Jin, S. (2023). How does the digital transformation of banks improve efficiency and environmental, social, and governance performance?. *Systems*, 11(7), 328. DOI: <https://doi.org/10.3390/systems11070328>.

Zhang, J. (2023). Big data and related model algorithms in commercial bank credit evaluation. *BCP Business & Management*, 38, 110-117. DOI: <https://doi.org/10.54691/bcpbm.v38i.3676>.

**FACTORS AFFECTING ESG IMPLEMENTATION IN
COMMERCIAL BANK SYSTEMS AND PERFORMANCE – AN
EMPIRICAL STUDY IN VIETNAM**

Tran Ngoc Hung^{1*}, Nguyen Thi Hue²

¹*Industrial University of Ho Chi Minh City*

²*Dong Nai Technology University*

*Corresponding author: Tran Ngoc Hung, tranngochung@iuh.edu.vn

GENERAL INFORMATION

Received date: 08/08/2024

Revised date: 28/08/2024

Accepted date: 30/09/2024

KEYWORD

Pressure;

Leadership;

Big data;

ESG;

Commercial banking system.

ABSTRACT

This study analyses the factors influencing the implementation and impact of Environmental, Social, and Governance (ESG) applications on the performance of commercial banks in Vietnam. The research focuses on three primary factors: the characteristics of bank leadership, stakeholder pressure, and Big Data technology. Utilising a quantitative approach and employing Partial Least Squares Structural Equation Modelling (PLS-SEM), the study collected data from various commercial banks across Vietnam. The findings revealed that leadership characteristics, such as gender diversity (encouraging increased female leadership representation) and educational background (comprehensive training from advanced countries, strategic vision, strong commitment, and high awareness of ESG), are crucial in effectively implementing ESG policies. Additionally, stakeholders (i.e., government agencies, customers, and shareholders) play a significant role in exerting pressure on commercial banks to enforce ESG practices. Furthermore, adopting Big Data technology has proven to be a powerful tool in supporting sustainable development of data collection, analysis, and reporting. The application of ESG principles is shown to have a profound impact on the performance of commercial banks in Vietnam